

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.995.455.019	19.501.553.927
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.956.857.565)	(20.558.225.358)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.230.318.756)	(4.666.194.189)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(159.017.015)	(239.560.910)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		122.032.921	191.183.137
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.641.240.896)	(1.195.767.567)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.869.946.292)</b>	<b>(6.967.010.960)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.755.845	204.643.764
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>138.755.845</b>	<b>204.643.764</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.233.698.301)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>(1.233.698.301)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(6.731.190.447)</b>	<b>(7.996.065.497)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.080.779.340	15.242.641.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>8.349.588.893</b>	<b>7.246.575.964</b>

LẬP BIỂU

*[Signature]*

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*[Signature]*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015



GIÁM ĐỐC

*[Signature]*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015291 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và sửa đổi Giấy chứng nhận mã số doanh nghiệp số 0102137109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/6/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tắt toán số dư.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý đến 09/06/2013. Từ 10/06/2013 Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC đối với TSCĐ có nguyên giá trên 30 triệu. Những tài sản không đủ điều kiện làm TSCĐ, Công ty chuyển sang phân bổ dần trên TK 242 - Chi phí chờ phân bổ,

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của phần mềm máy tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với phần mềm máy tính. Từ 10/6/2013 Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, phần mềm máy tính trên không đủ điều kiện làm TSCĐ vô hình, Công ty thực hiện điều chỉnh ghi giảm tài sản vô hình.

### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.10 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%
  - Đối với hoạt động sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%
  - Đối với hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - + 22% đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh (áp dụng thuế suất thuế TNDN theo thông tư 78 /2014/TT-BTC ngày 18/06/2014)
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	346.145.705	61.921.000
Tiền gửi ngân hàng	2.003.443.188	7.018.858.340
Các khoản trong đương tiền	6.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.349.588.893</b>	<b>15.080.779.340</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		<b>22.194.455</b>
Lãi dự thu	8.788.889	10.450.000
- Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng	3.888.889	4.000.000
- Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ	4.900.000	6.450.000
Thuế thu nhập cá nhân	23.214.084	
Phải thu khác	400.000.000	11.744.455
<b>Cộng</b>	<b>432.002.973</b>	<b>22.194.455</b>

### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	461.499.527	525.716.767
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	68.204.495	2.470.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	266.101.865	1.217.520
<b>Cộng</b>	<b>795.805.887</b>	<b>529.404.287</b>

### 8. Hàng tồn kho

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường		-
Nguyên liệu, vật liệu	26.484.880	34.135.795
Chi phí SXKD dở dang	40.897.068	-
Thành phẩm	6.326.618.007	5.721.904.236
Hàng hóa	4.355.332.753	3.972.958.023
Hàng gửi bán	5.317.432	2.946.967
<b>Cộng</b>	<b>10.754.650.140</b>	<b>9.731.945.021</b>

### 9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân đã nộp thừa cho NSNN	0	0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp thừa cho NSNN	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tạm ứng	125.000.000	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	130.517.000	130.517.000
<b>Cộng</b>	<b>255.517.000</b>	<b>130.517.000</b>

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	342.503.748	2.486.967.700	659.399.121	3.488.870.569
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.486.967.700</b>	<b>659.399.121</b>	<b>3.488.870.569</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	342.503.748	1.538.700.854	648.869.832	2.530.074.434
Tăng trong kỳ	-	90.372.070	10.529.289	100.901.359
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.503.748</b>	<b>1.629.072.924</b>	<b>659.399.121</b>	<b>2.630.975.793</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	948.266.846	10.529.289	958.796.135
Số cuối kỳ	-	857.894.776	0	857.894.776

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.245.859.051 đồng.

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm phát hành VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	0	0	0
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Khấu hao</b>			
Tăng trong kỳ	0	0	0
Giảm trong kỳ			
Thanh lý, nhượng bán			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí thuê kho 67 Nguyễn Khoái	0	0
TS không đủ nguyên giá TSCĐ chờ phân bổ	34.074.241	16.550.505
Bìa Atlas, Tem chống in lậu	240.219.841	54.397
<b>Cộng</b>	<b>274.294.082</b>	<b>16.604.902</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế GTGT		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	397.758.406	103.665.692
Thuế thu nhập cá nhân	18.094.265	184.834.263
<b>Cộng</b>	<b>415.852.671</b>	<b>288.499.955</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.309.530	135.498.336
Các khoản phải trả, phải nộp khác	293.268.792	2.651.837.334
- Thuế lao HĐQT và BKS	158.809.000	78.809.000
- Cổ tức phải trả		2.465.570.411
- Thuế TNCN thu thừa	132.728.381	
- Các khoản phải trả khác	1.731.411	107.457.923
<b>Cộng</b>	<b>447.578.322</b>	<b>2.787.335.670</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND
SD thời điểm 31/03/15	18.600.000.000	2.633.994.225	6.060.661.056	(726.105.307)	741.277.519
Tăng trong kỳ			1.382.154.344		
Giảm trong kỳ					
SD thời điểm 30/06/15	18.600.000.000	2.633.994.225	7.442.815.400	(726.105.307)	741.277.519

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND
Vốn đầu tư Nhà nước (Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam)	21	3.907.000.000	21	3.907.000.000
Vốn góp (Cổ đông, thành viên)	79	14.693.000.000	79	14.693.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>100</b>	<b>18.600.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	100.000	100.000
- Cổ phiếu thường	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu thường	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (ĐVT: đồng)	10.000	10.000

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.060.661.056	8.066.782.969
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.382.154.344	2.527.103.402
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>	<b>0</b>	<b>4.617.367.518</b>
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm trước:</b>	<b>0</b>	<b>2.153.367.518</b>
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	307.862.045
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	0	307.862.045
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	0	305.643.428
- Chia cổ tức	0	1.232.000.000
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay:</b>	<b>0</b>	<b>2.464.000.000</b>
- Tạm ứng cổ tức	0	2.464.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>7.442.815.400</b>	<b>5.976.518.853</b>

**17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II năm 2015	Quý II năm 2014
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>21.451.467.222</b>	<b>19.621.119.583</b>
- Doanh thu sách tham khảo	517.911	596.712.123
- Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	14.913.996.354	12.419.372.970
- Doanh thu phim, băng, đĩa	12.666.398	12.179.700
- Doanh thu thiết bị giáo dục	6.337.650.876	6.356.382.983
- Doanh thu khác	186.635.683	236.471.807
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>78.245.067</b>	<b>248.612.869</b>
- Hàng bán bị trả lại	78.245.067	248.612.869
<b>Cộng</b>	<b>21.373.222.155</b>	<b>19.372.506.714</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18. Giá vốn hàng bán**

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
- Giá vốn sách tham khảo	660.813	576.167.616
- Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	9.991.154.443	8.311.260.086
- Giá vốn phim, băng, đĩa	6.966.442	10.071.598
- Giá vốn thiết bị giáo dục	5.389.768.194	5.366.737.710
- Giá vốn hoạt động khác	23.661.212	24.152.408
<b>Cộng</b>	<b>15.412.211.104</b>	<b>14.288.389.418</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.674.228	71.642.005
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>72.674.228</b>	<b>71.642.005</b>

**20. Thu nhập khác**

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
Hàng thu khác nhập lại kho	0	0
Thu khác	785.000	0
<b>Cộng</b>	<b>785.000</b>	<b>0</b>

**21. Chi phí khác**

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
Chi phí khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.779.912.749	1.469.217.265
- Các khoản tính vào thu nhập chịu thuế		
+ Điều chỉnh tăng (CP thiếu hóa đơn, c.từ hợp lệ)	28.080.000	389.180.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.807.992.749	1.858.397.265
- Thuế TNDN năm 2013 (TN từ h/d xuất bản TS là 10%)		110.975.902
- Thuế TNDN thuế suất 22%	397.758.405	164.700.412
<b>-Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>397.758.405</b>	<b>275.676.314</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.382.154.344</b>	<b>1.193.540.951</b>

### 23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2015 VND	Quý II năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.382.154.344	1.193.540.951
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	1.760.000	1.760.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>785</b>	<b>678</b>

### 24. Các bên liên quan

a. Trong quý, Công ty có những giao dịch trọng yếu với các bên liên như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
<b>Mua hàng</b>			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Thuê đất Hàng Chuối	47.165.401
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư	Mua đĩa các loại	
Công ty CP Sách – TBTH TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	Mua thiết bị giáo dục	1.351.178.048
Công ty CP In SGK tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	In tranh ảnh, bản đồ	461.163.325
<b>Bán hàng</b>			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	
Công ty CP SGD tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	1.397.521.280
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	1.120.953.600
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	59.532.000
Công ty CP Sách – TBTH TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	1.172.649.728
Công ty CP Đầu tư & PTGD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	207.073.740

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Vào ngày 30/06/2015 các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Phải trả tiền TD		37.476.967
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	Phải trả tiền PQLXB		167.769.250
Công ty CP SGD tại TP. HCM	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	1.662.811.040	
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	1.238.921.900	
Công ty CP Học liệu	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	202.529.600	
Công ty CP Đầu tư & PTGD Hà Nội	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	263.650.844	
Công ty CP Sách - TBTH TP HCM	Chung Cty đầu tư	Phải trả tiền hàng		755.924.636
Công ty CP In SGK tại TP. Hà Nội	Chung Cty đầu tư	Phải trả tiền hàng		
<b>Cộng</b>			<b>1.531.050.839</b>	<b>596.987.342</b>

### 25. Cổ tức

Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã thanh toán cổ tức năm 2014 tỷ lệ 14% vào ngày 11/2/2015.

### 26. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 27. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

LẬP BIỂU

Ngô Thị Hương Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Như

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015



Nguyễn Thị Hồng Loan